

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 8 – 2020

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Hành.

2/ Bà Thạch Thị Sà Phải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Văn Hường, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Tăng Thị T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

*Địa chỉ:* Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

*Bị đơn:* Anh Dương P, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

*Địa chỉ:* Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tăng Thị T trình bày:*

Chị T với anh Dương P kết hôn với nhau năm 2015 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 24 tháng 02 năm 2015). Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018, hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2018. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Trong quá trình chung sống chị T với anh P có hai con chung tên Dương Tăng Minh N, sinh ngày 18/6/2016 và Dương Tăng Minh N1, sinh ngày 23/02/2018. Hiện các con đang sống cùng chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Tăng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về Hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Dương P.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Dương P không có lời trình bày do vắng mặt.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 84/2020/TB-TLVA ngày 13 tháng 5 năm 2020, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Dương P nhưng anh P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh P, không tiến hành hòa giải được và anh P cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tăng Thị T ly hôn với anh Dương P. Về con chung: Giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Dương P và chị Tăng Thị T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn anh P thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T và anh P.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Tăng Thị T vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Dương P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tăng Thị T với anh Dương P là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2018, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị T yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Hai cháu Dương Tăng Minh N, sinh ngày 18/6/2016 và Dương Tăng Minh N1, sinh ngày 23/02/2018, đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét thấy chị T có đủ điều kiện nuôi con, con hiện đang sống cùng chị T nên yêu cầu này là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị T yêu cầu nên chị T phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Tăng Thị T.
- Về hôn nhân: Chị Tăng Thị T được quyền ly hôn với anh Dương P.
- Về con chung: Giao hai cháu Dương Tăng Minh N, sinh ngày 18/6/2016 và Dương Tăng Minh N1, sinh ngày 23/02/2018 cho chị Tăng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Dương P không phải cấp dưỡng cho con. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Tăng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002097 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy chị T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã L, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng**